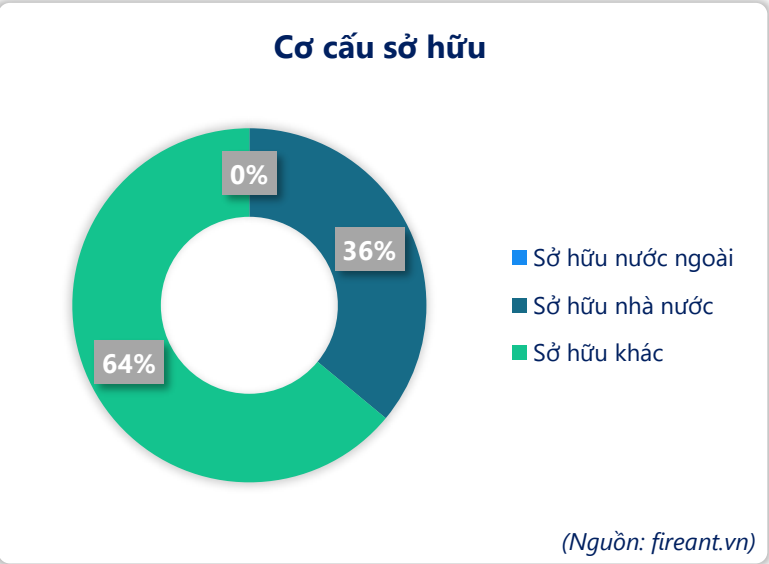
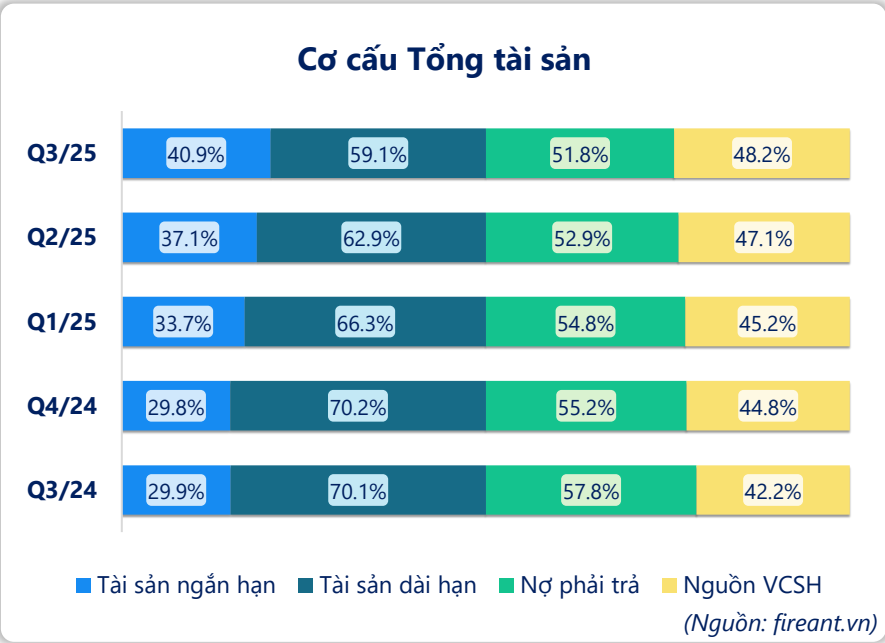
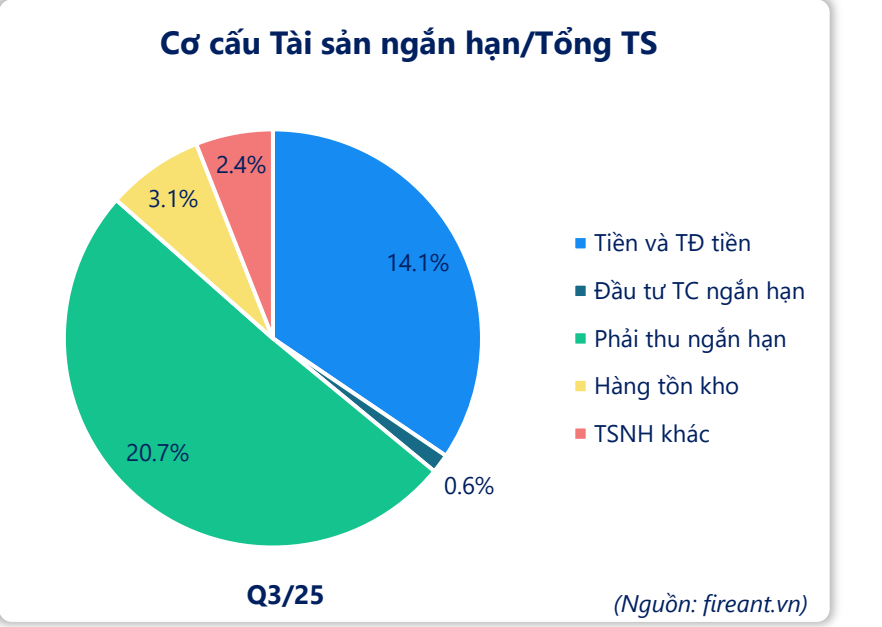
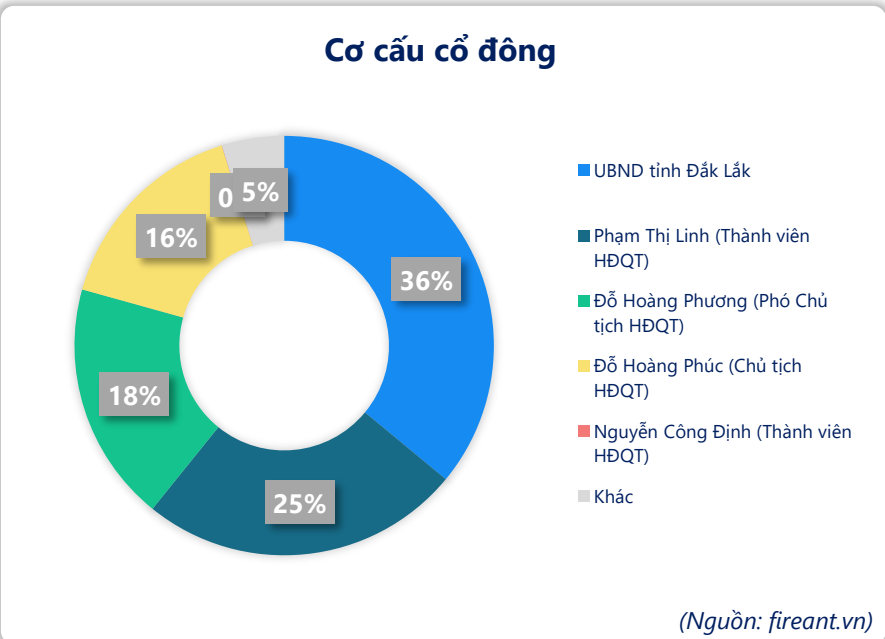
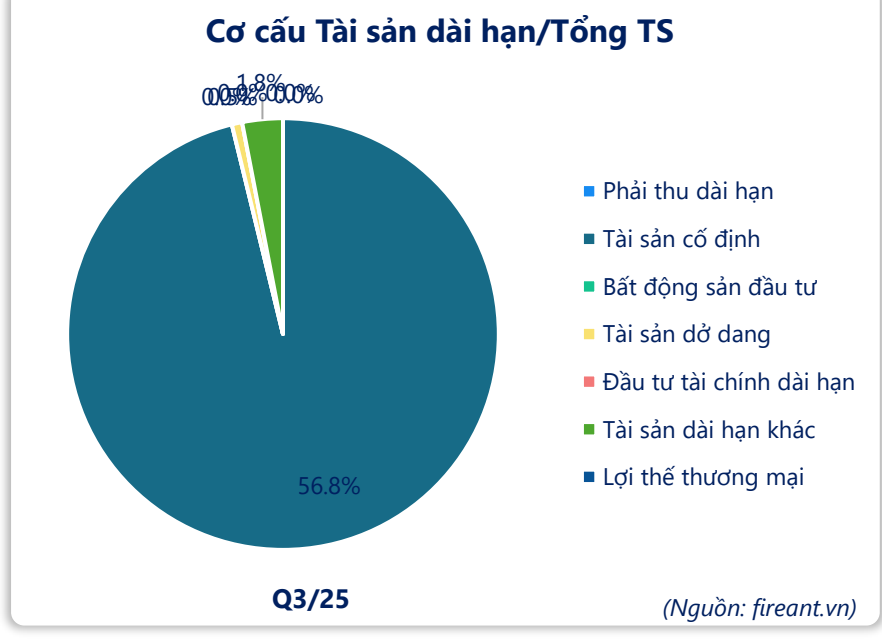
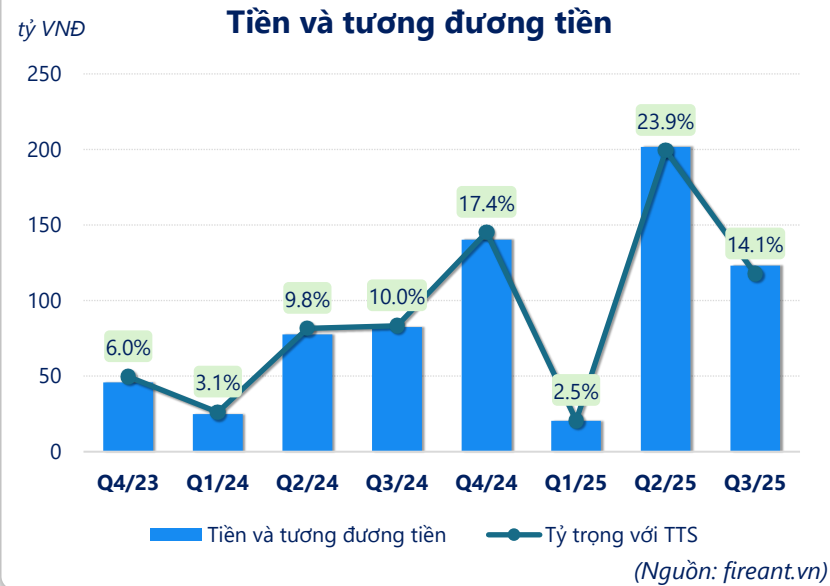
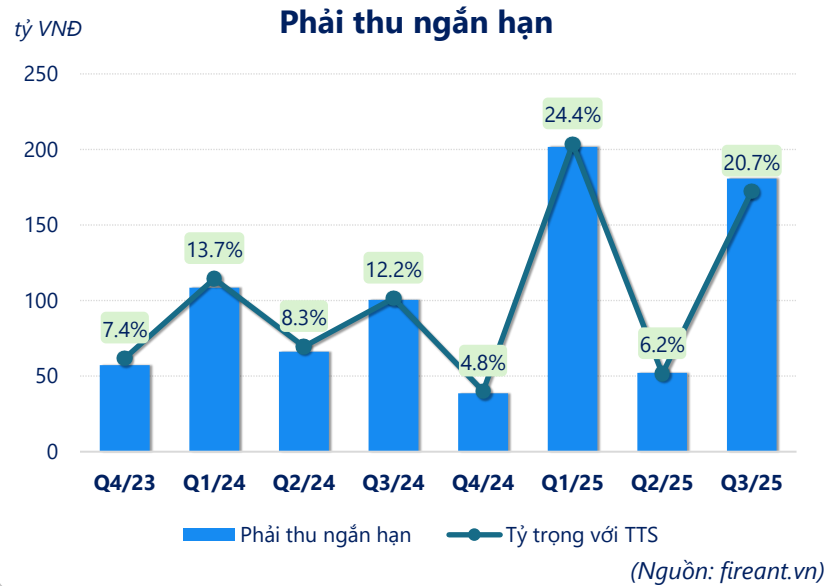
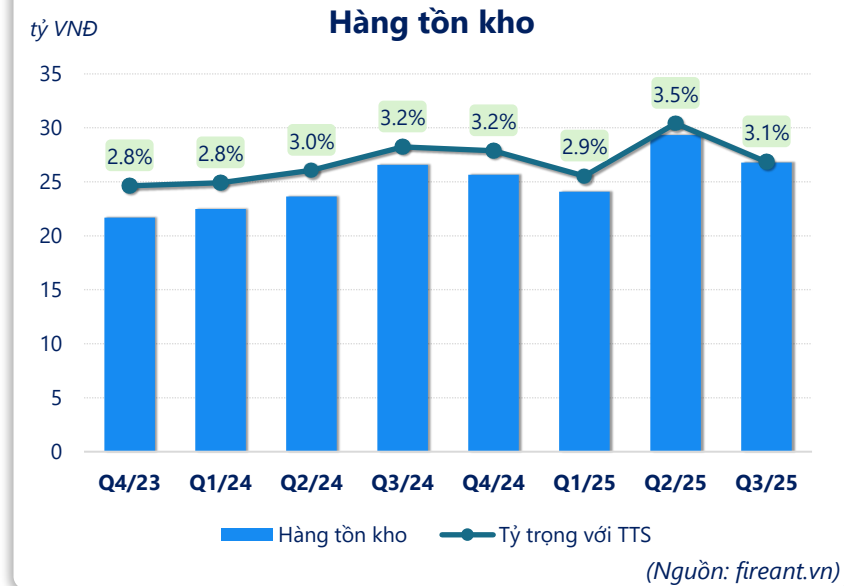
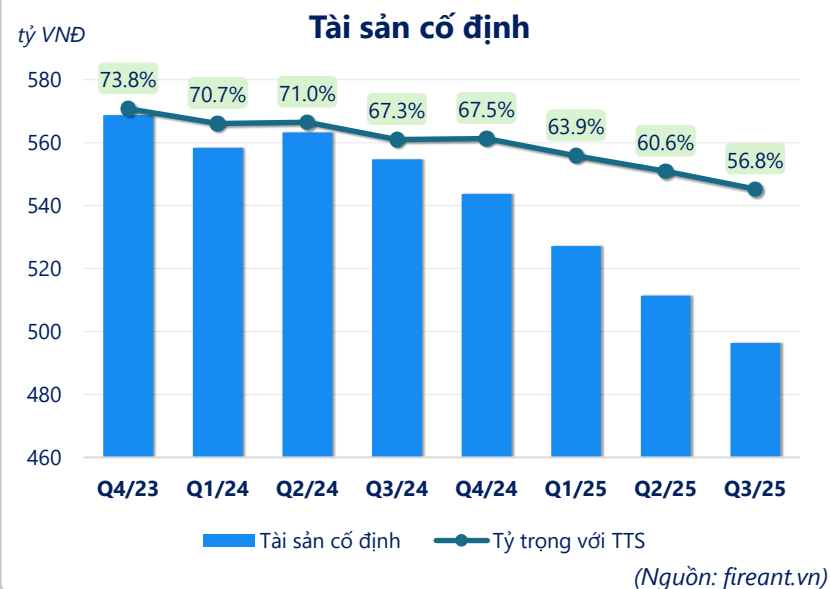
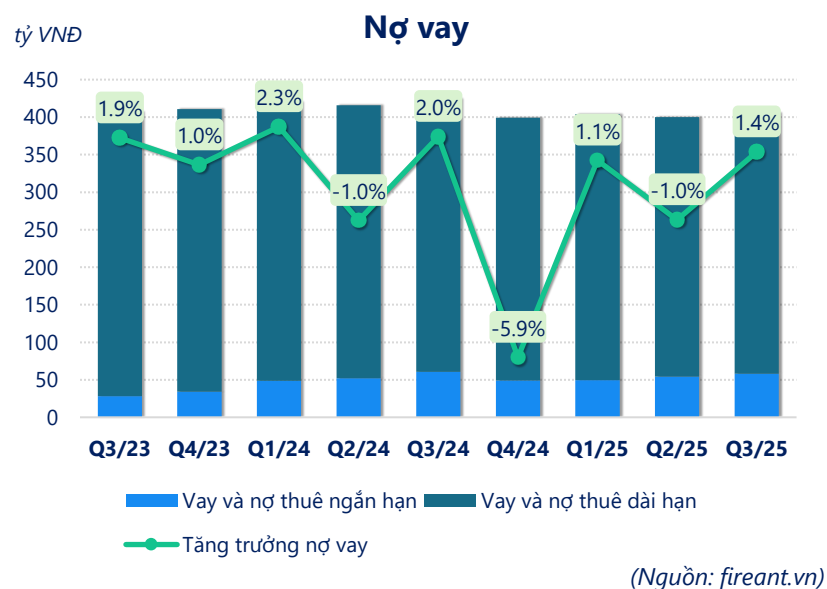
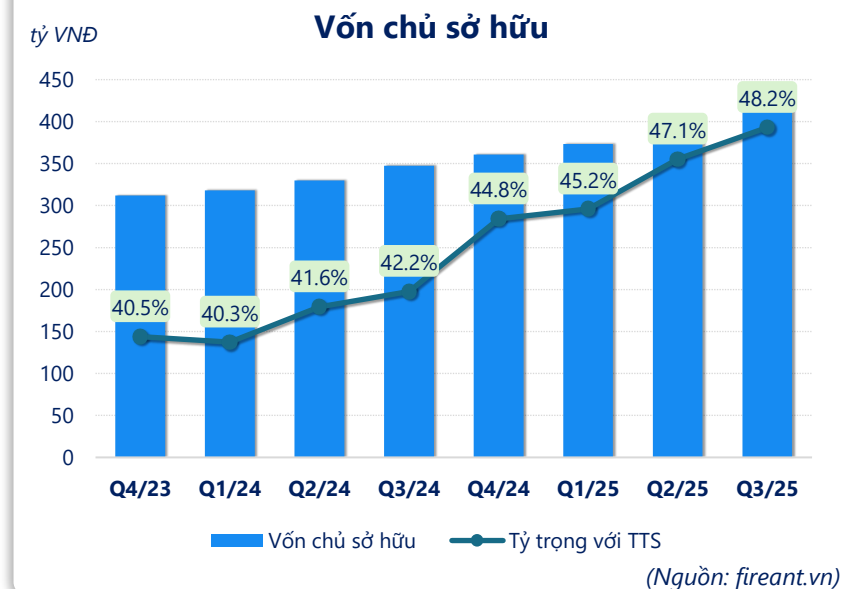
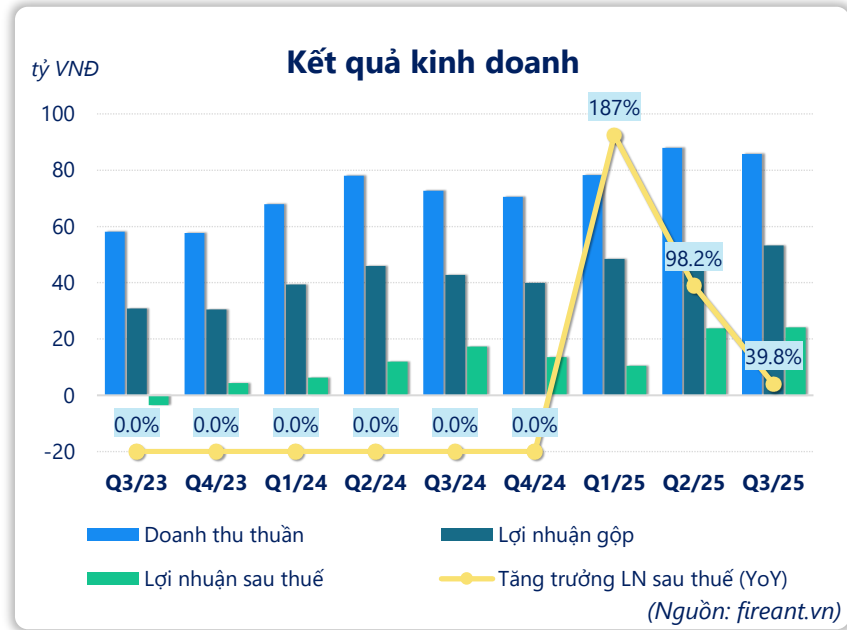
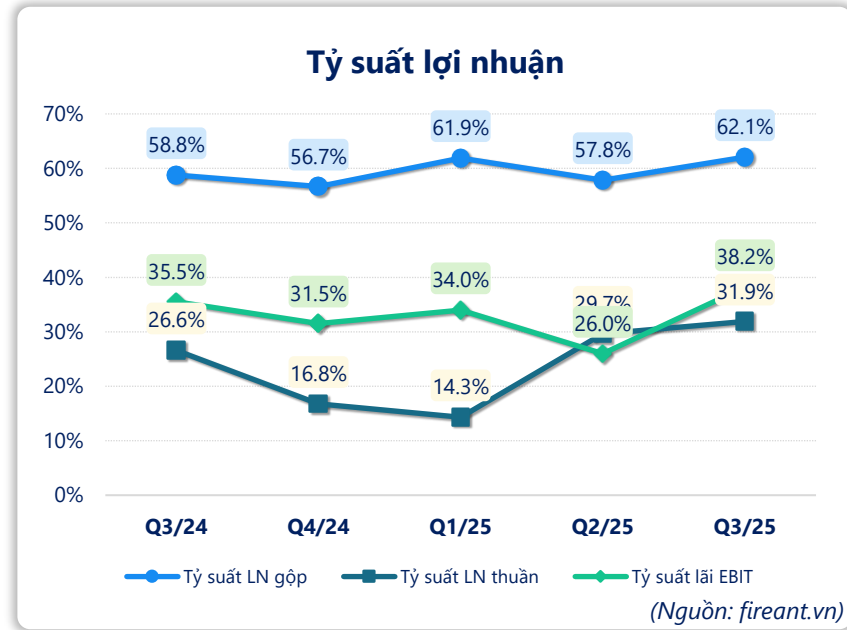
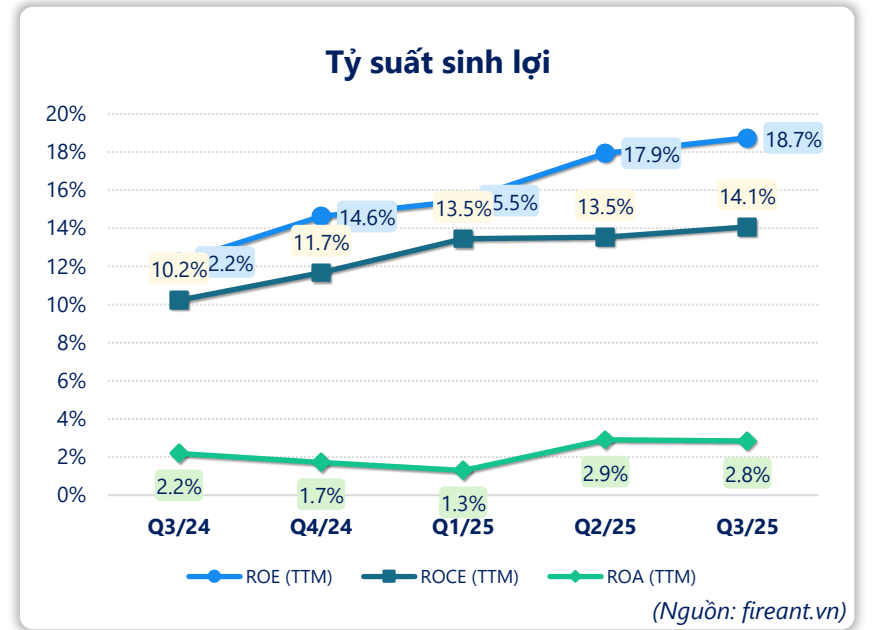
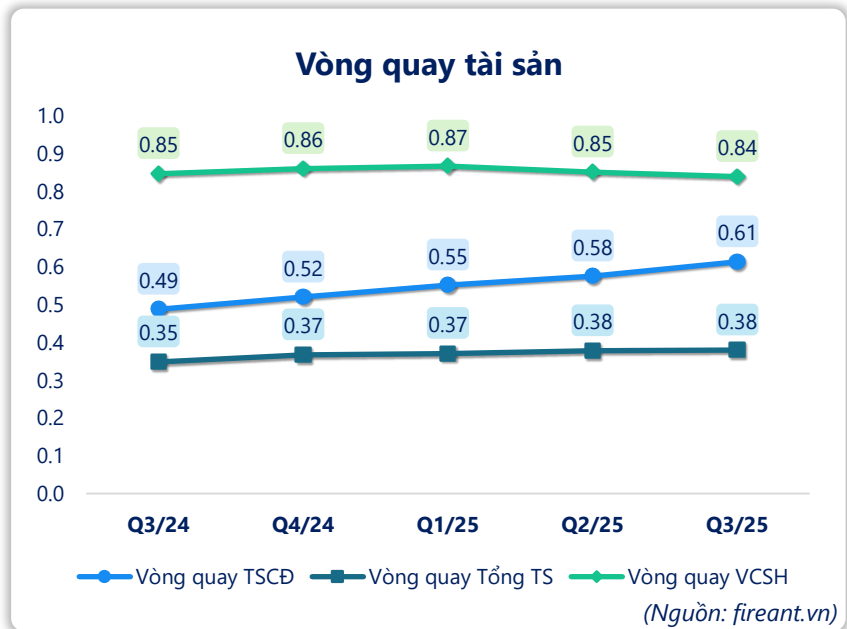
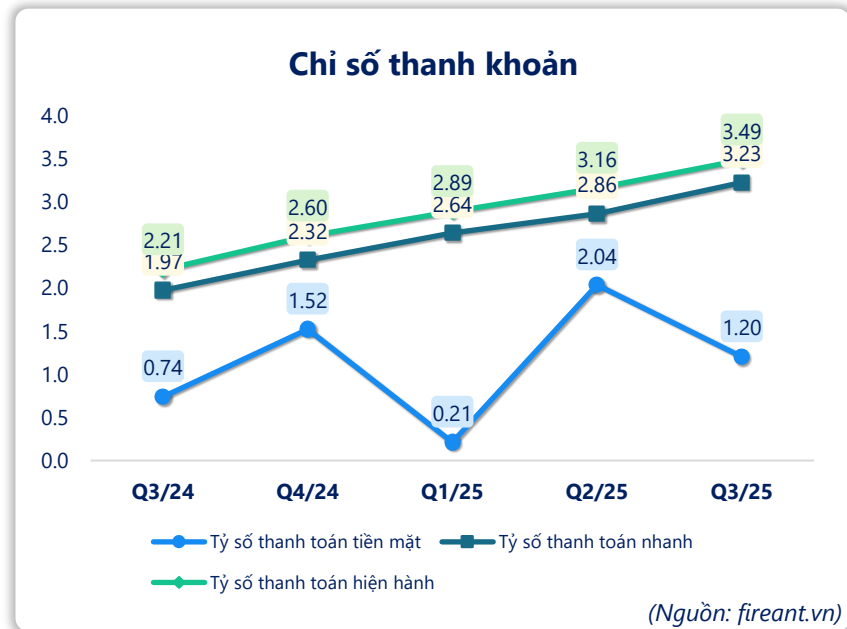
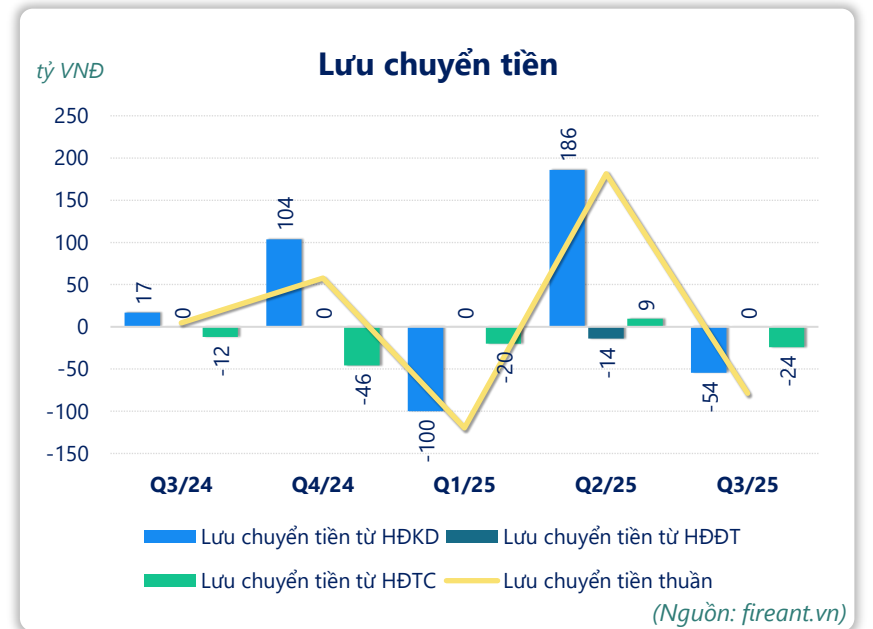


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,600
SL cổ phiếu LH		31,520,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		535
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		552
P/E		7.7
EPS		2,285

	YTD	1T	3T	6T
DWC	15.1%	-1.1%	19.0%	17.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	873	805	8.5%
Tài sản ngắn hạn	357	240	49.1%
Tiền và tương đương tiền	123	140	-12.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.25	5.25	0.0%
Phải thu ngắn hạn	181	38.7	367%
Hàng tồn kho	26.8	25.6	4.5%
Tài sản ngắn hạn khác	21.4	29.8	-28.4%
Tài sản dài hạn	516	565	-8.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	496	544	-8.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.99	5.17	-22.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	15.7	15.9	-1.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	452	442	2.2%
Nợ ngắn hạn	102	90.3	13.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	58.2	49.0	18.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.70	7.22	-76.4%
Nợ dài hạn	350	352	-0.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	347	350	-0.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	421	363	16.1%
Vốn chủ sở hữu	421	363	16.1%
Vốn điều lệ	315	315	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	72.7	70.5	78.2	87.9	85.7
Giá vốn hàng bán	30.0	30.6	29.8	37.0	32.5
Lợi nhuận gộp	42.7	40.0	48.4	50.8	53.2
Doanh thu HĐTC	0.04	0.13	0.03	0.13	0.06
Chi phí TC	6.35	8.18	19.0	2.86	7.66
Chi phí lãi vay	6.35	7.04	14.8	-3.88	5.58
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	11.7	11.9	11.7	12.0	12.1
Chi phí QLDN	5.43	8.20	6.49	10.0	6.16
LN thuần từ HĐKD	19.3	11.8	11.2	26.1	27.3
Lợi nhuận khác	0.13	3.37	0.58	0.66	-0.18
LN trước thuế	19.5	15.2	11.8	26.7	27.2
Lợi nhuận sau thuế	17.3	13.6	10.5	23.8	24.2
LNST của CĐ cty mẹ	17.3	13.6	10.5	23.8	24.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.7	104	-99.9	186	-54.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.04	0.02	0.03	-14.1	0.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.0	-45.9	-19.8	9.44	-24.3
Tiền đầu kỳ	82.9	87.6	145	25.7	207
Lưu chuyển tiền thuần	4.66	57.8	-120	181	-78.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	87.6	145	25.7	202	128

(Nguồn: fireant.vn)